



Kinh nghiệm phát triển hệ thống ngân hàng Hàn Quốc sau khủng hoảng

và bài học cho Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế

TS. Nguyễn Thị Hiền *

ĐẶT VẤN ĐỀ

Kể từ đầu những năm 1990, hệ thống Ngân hàng Hàn Quốc phát triển theo hướng tự do hóa và mở cửa thị trường tài chính. Cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997 đã góp phần thúc đẩy quá trình cải cách hệ thống ngân hàng Hàn Quốc một cách mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Trong cơn bão cải tổ hệ thống, các định chế tài chính yếu kém đã buộc phải rời bỏ thị trường và hàng loạt các biện pháp thiết lập kỷ luật tài chính và giám sát ngân hàng đã được thực hiện nhằm xây dựng một hệ thống ngân hàng ổn định cho Hàn Quốc. Hệ thống ngân hàng Hàn Quốc đã trải qua các quá trình hội nhập tài chính quốc tế, và đã có nhiều bài học thất bại, thành công về cơ chế điều hành quản trị, về cách thức phân bổ nguồn lực tài chính đối với nhu cầu phát triển kinh tế của đất nước. Những bài học của Hàn Quốc trong các vấn đề ngăn chặn khủng hoảng, và quá trình cải cách hệ thống ngân hàng có thể là mô hình để Việt Nam nghiên cứu và ứng dụng vào phát triển hệ thống ngân hàng ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập hiện nay.

KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG NGÂN HÀNG HÀN QUỐC

Hệ thống các định chế tài chính Hàn Quốc trước khủng hoảng 1997

Nhằm thúc đẩy chiến lược phát triển kinh tế hướng tới xuất khẩu và phát triển công nghiệp nặng, hệ thống ngân hàng Hàn Quốc đặt dưới sự kiểm soát chặt chẽ của Chính phủ và là kênh cung ứng vốn quan trọng bậc nhất cho nền kinh tế. Công cụ chính được Chính phủ Hàn Quốc trước đây sử dụng để đẩy mạnh xuất khẩu là

* Khoa Tài chính - Tiền tệ - Đại học Ngoại thương

Bảng 1: Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)

Quốc gia	1991	1992	1993	1994	1995	1996
Hàn Quốc*	0.55	0.68	0.51	0.54	0.34	0.27
Mỹ**	0.53	0.93	1.2	1.15	1.17	1.19
Nhật Bản***	0.15	0.09	0.08	-0.02	-0.43	-0.01

Chú thích: (*) Đối với các ngân hàng thương mại Hàn Quốc;

(**) đối với các ngân hàng thành viên của tổ chức bảo hiểm tiền gửi Mỹ;

(***) Ngân hàng đô thị Nhật Bản.

Nguồn: Bank of Japan, "Korean Financial crisis and its aftermath"

Bảng 2: Nợ khó đòi và nợ xấu của các ngân hàng thương mại Hàn Quốc

Đơn vị: Nghìn tỷ Won

Năm	Nợ xấu (% trên tổng cho vay)	Nợ khó đòi (% trên tổng cho vay)
1990	1.9 (2.0)	7.2 (7.5)
1991	2.1 (1.6)	8.3 (6.6)
1992	2.4 (1.6)	10.3 (6.7)
1993	2.9 (1.7)	12.1 (7.0)
1994	1.9 (0.9)	11.7 (5.6)
1995	2.3 (0.9)	12.5 (5.2)
1996	2.5 (0.8)	12.2 (3.9)
6/97	5.1 (1.5)	17.3 (5.2)
12/97	10.1 (2.7)	22.6 (6.0)
3/98	12.4 (3.4)	28.0 (7.7)
6/98	Na	29.1 (8.6)
9/98	10.2 (3.4)	22.4 (7.1)
12/98	10.1 (3.2)	22.2 (7.4)

Nguồn: Bank of Korea, http://fsc.go.kr/kfsc/board/11/pt_0303.html; và Bank of Japan, "Korean Financial crisis and its aftermath"

việc phân bổ tín dụng ngân hàng và chính sách hỗ trợ lãi suất. Trong suốt thời kỳ này, sự thông qua của Chính phủ cũng có nghĩa rằng Chính phủ sẽ hỗ trợ các công ty và các ngân hàng thương mại trong trường hợp làm ăn bị đổ bể. Không những đối với các công ty, tập đoàn lớn có cơ cấu tỷ lệ nợ cao, Chính phủ Hàn Quốc còn thúc ép và chỉ định các ngân hàng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ vay vốn. Các ngân hàng không lưu tâm tới triển vọng của các công ty, khả năng sinh lợi của dự án đầu tư và thường cho các công ty vay nhiều hơn khối

lượng vốn công ty yêu cầu. Hệ thống định chế tài chính này của Hàn Quốc có các đặc điểm:

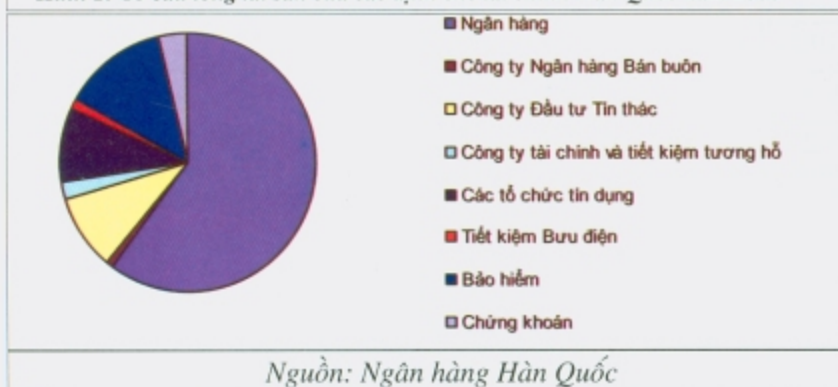
Thứ nhất, các ngân hàng Hàn Quốc đã không đóng vai trò là người chủ tín dụng khi đã không can thiệp hay bày tỏ ý kiến của mình trong việc quản lý hoạt động kinh doanh của các công ty. Một số ngân hàng¹ đã cho vay lên tới 45% vốn tự có đối với một khách hàng vay trong khi mức chuẩn tài chính truyền thống là 15 -25%... Một số ngân hàng khác thậm chí còn cho vay lên mức 300% vốn tự có cho một tập đoàn (Chaebol)².

Sự can thiệp quá mức của Chính phủ vào tổ chức và hoạt động của các ngân hàng đã làm tê liệt chức năng và vai trò của các trung gian tài chính này. Đây chính là nguyên nhân sâu xa tiềm ẩn của rủi ro hệ thống cũng như tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản của ngân hàng Hàn Quốc thấp nhất trong số các nước có nền kinh tế đang nổi³ (xem bảng 1 và 2).

Thứ hai, trước thời gian khủng hoảng, hoạt động của các định chế Ngân hàng Hàn Quốc thiếu một cơ sở hạ tầng về luật lệ và chỉ dẫn thích hợp như quy định về hạn mức tín dụng, thế chấp, giao dịch ngân hàng. Sự yếu kém này đã tạo nhiều kẽ hở để các tập đoàn vay vốn trực lợi. Ví dụ, theo Luật Ngân hàng Hàn Quốc, giới hạn cho vay đối với các Chaebol chỉ áp dụng đối với các ngân hàng thương mại mà không áp dụng đối với các ngân hàng bán buôn. Chính vì vậy, các Chaebol đã lách luật bằng cách tìm cách vay thật nhiều vốn từ các công ty ngân hàng bán buôn. Sự sụp đổ của hàng loạt các công ty lớn trong cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997 đã làm nợ xấu tăng nghiêm trọng trong hệ thống các định chế tài chính Hàn Quốc, đe dọa sự lành mạnh và phát triển bền vững của cả hệ thống.

Thứ ba, hệ thống ngân hàng Hàn Quốc chịu sự tác động của các chính sách tự do hóa hội nhập kinh tế, tài chính quốc tế. Hàn Quốc đã cho phép các ngân hàng tự do vay vốn ngắn hạn từ nước ngoài. Chính sách này đã tạo điều kiện cho các ngân hàng Hàn Quốc nắm bắt cơ hội khi vay vốn ngắn hạn từ nước ngoài rồi cho các công ty vay lại để đầu tư vào các dự án dài hạn. Việc đi vay ngắn hạn nhưng lại cho vay dài hạn gây ra sự lệch pha trong cơ cấu thời hạn. Kể từ 1995 đến 1997, nợ nước ngoài của các ngân hàng Hàn Quốc đã tăng 30%, từ 77 tỷ

Hình 1: Cơ cấu tổng tài sản của các định chế tài chính Hàn Quốc năm 2006



Nguồn: Ngân hàng Hàn Quốc

USD lên 103 tỷ USD. Một sự thật là, các ngân hàng trong nước và quốc tế đã tận dụng cơ hội được bảo lãnh từ phía Chính phủ Hàn Quốc

việc cải tổ hệ thống ngân hàng, số lượng và thị phần của các định chế này tại Hàn Quốc đã có những thay đổi nhất định. Nếu như năm 1995

Bảng 3: Sự thay đổi số lượng các định chế ngân hàng từ sau khủng hoảng tài chính đến nay

	1997	Phương pháp cải tổ			Năm 2007
		Xóa bỏ	Sáp nhập	Tổng số	
Ngân hàng thương mại	33	5	10	15	18
Công ty ngân hàng bán buôn	30	22	7	29	2

Nguồn: Bank of Korea

thay vì xem xét đến khả năng trả nợ của chính mình và điều này làm tăng rủi ro cho chính hệ thống ngân hàng.⁴

Quá trình cải cách hệ thống định chế tài chính Ngân hàng Hàn Quốc kể từ sau khủng hoảng 1997

Sau khủng hoảng tài chính Đông Nam Á, Hàn Quốc đã tích cực cải tổ lại hệ thống các tổ chức tài chính ngân hàng của nước này và đã đạt được những thành tựu đáng kể. Nếu như năm 1998 Hàn Quốc được xếp ở vị trí cuối bảng về phát triển kinh tế của các nước thành viên trong tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), thì năm 2000, với tốc độ tăng trưởng là 9,5 %, Hàn Quốc đã vươn lên đạt tốc độ tăng trưởng ở vị trí cao nhất. Đối với lĩnh vực ngân hàng, xuất phát từ những yếu kém được coi là căn nguyên gây ra khủng hoảng tài chính tiền tệ. Với

các ngân hàng Hàn Quốc chiếm 66,6% cơ cấu tổng tài sản của các định chế tài chính thì đến năm 2006, tỷ lệ này chỉ còn 60,1%. Sở

Bảng 4: Xử lý nợ quá hạn và tái cấp vốn cho hệ thống ngân hàng Hàn Quốc hết năm 2006

Đơn vị: Nghìn tỷ Won

Nguồn vốn	Phương pháp xử lý nợ	Số tiền
Bảo hiểm tiền gửi Hàn Quốc	Tái cấp vốn	50.8
	Bồi thường thiệt hại tổn thất	18.4
	Mua lại tài sản ngân hàng	10.8
	Thanh toán tiền gửi ngân hàng	30.3
	Tổng	110.3
Công ty quản lý tài sản Hàn Quốc (KAMCO)	Mua lại khoản nợ khó đòi	39.0
Các nguồn tài chính khác	Tái cấp vốn	11.8
	Mua lại các công cụ nợ hạng thấp	6.3
	Tổng	18.1
Ngân hàng TW Hàn Quốc	Tái cấp vốn	0.9
Tổng		168.3

Nguồn: Bank of Korea

đĩ như vậy là do trong quá trình cải cách tài chính, các ngân hàng Hàn Quốc là đối tượng chịu ảnh hưởng và tác động lớn nhất từ các chính sách điều chỉnh vĩ mô được phân tích dưới đây.

Thứ nhất, chính sách xóa bỏ các định chế tín dụng yếu kém, sáp nhập một số ngân hàng có tình hình tài chính kém lành mạnh là những nhiệm vụ cải cách ưu tiên hàng đầu. Đây được coi là giải pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống ngân hàng nhằm lấy lại niềm tin của dân chúng và giới đầu tư trong nước và nước ngoài. Năm 1998, 5 ngân hàng Hàn Quốc có tỷ lệ an toàn vốn ở dưới mức chuẩn 8% của BIS bắt buộc bị giải thể, 9 ngân hàng được hợp nhất thành 4 ngân hàng năm 1999, 2 ngân hàng hợp nhất thành 1 năm 2000. Trong thời gian đó, 8 ngân hàng khác được Chính phủ quốc hữu hóa. Trong số các ngân hàng bị hợp nhất, Ngân hàng Đệ Nhất (First Korean Bank) được bán cho Newbridge Capital vào tháng 12/1999 và vào tháng 3/2001, một số ngân hàng khác như Hanvit, Peace,

Kwangju... được sáp nhập vào tập đoàn tài chính Woori và vốn cổ phần được nắm giữ bởi Công ty bảo hiểm tiền gửi Hàn Quốc.

Thứ hai, để giải quyết vấn đề nợ khó đòi và tái cấp vốn cho các ngân hàng, tính đến cuối năm 2006, Chính phủ Hàn Quốc đã huy động số vốn lên tới 168.3 nghìn tỷ Won để mua lại các khoản nợ khó đòi và tái cấp vốn cho các ngân hàng (xem bảng 4)

Thứ ba, Ủy ban Giám sát Tài chính (FSC) - tổ chức đóng vai trò cơ chế điều tiết, thiết lập các thông lệ ngân hàng chung - đã tạo ra một hệ thống các quy chế mới, sự giám sát thận trọng và một đề án thực hiện cải cách. Theo cách này, khuôn khổ pháp lý đã ra đời nhằm điều chỉnh hoạt động ngân hàng Hàn Quốc theo hướng lành mạnh hóa chất lượng danh mục tài sản ngân hàng, giảm rủi ro tín dụng, giảm trần tín dụng cho vay đối với một cá nhân hay tổ chức... Cụ thể là: (i) Đối với **quản lý danh mục tài sản**, các ngân hàng thương mại được yêu cầu xây dựng chuẩn hóa phân loại tài sản và thành lập quỹ dự phòng tổn thất và báo cáo Ủy ban Giám sát Tài chính (FSS) thường xuyên. Các ngân hàng phải thành lập hệ thống kiểm soát nội bộ, bao gồm hệ thống xem xét tín dụng độc lập nhằm tăng cường tính chính xác và khách quan khi phân loại tài sản và lập dự phòng tổn thất. Các ngân hàng thương mại không được phép cấp tín dụng cho một khách hàng, tập đoàn kinh doanh vượt quá 25% vốn tự có, các hình thức cấp tín dụng khác như chiết khấu thương phiếu, trái phiếu, đảm bảo thanh toán không được vượt quá 20%; tổng các khoản cho vay vượt quá 10% vốn tự có tối đa chỉ bằng 5 lần vốn tự có. (ii) Yêu cầu **về khả năng thanh khoản**, Ủy ban

Giám sát Tài chính yêu cầu các ngân hàng thương mại đảm bảo tỷ lệ thanh khoản tối thiểu là 100% đối với thanh toán bằng tiền Won, tỷ lệ này áp dụng với ngoại tệ là 80%.⁵

Thứ tư, tăng cường tính minh bạch thông tin. Kể từ sau khủng hoảng tài chính, Chính phủ Hàn Quốc đã và đang nỗ lực chuẩn hóa hoạt động ngân hàng theo nguyên tắc của thị trường và tăng cường tính minh bạch thông tin tài chính. Các chuẩn mực kế toán và công bố thông tin được củng cố mạnh mẽ nhằm bảo vệ quyền lợi cho các cổ đông, các tổ chức tín dụng có khả năng phân tích chính xác tình trạng tài chính, kỹ năng quản lý của các ngân hàng.

Thứ năm, tăng cường các quy định quản trị doanh nghiệp tài chính. Theo đó, vào năm 1999, hệ thống kiểm soát bên ngoài và ủy ban kiểm toán đã được triển khai cho tất cả các ngân hàng thương mại, công ty ngân hàng bán buôn, có ít nhất 3 người điều hành được chỉ định từ bên ngoài đảm bảo quá bán trong hội đồng quản trị. Đồng thời ủy ban kiểm toán cũng được thành lập trên cơ sở của 3 người điều hành bên ngoài chiếm tối thiểu 2/3 số thành viên. Để khuyến khích đầu tư nước ngoài vào Hàn Quốc, quy định cấm người nước ngoài làm giám đốc điều hành ngân hàng và trần đối với tỷ lệ sở hữu của nước ngoài đối với các ngân hàng đã được xóa bỏ năm 1998. Các ngân hàng nước ngoài được hoạt động bình đẳng không khác biệt với ngân hàng của Hàn Quốc. Thêm vào đó, năm 2002, Chính phủ Hàn Quốc đã cho phép tỷ lệ nắm giữ cổ phần của một cá nhân đối với ngân hàng từ 4% lên đến 10%.⁶

Thứ sáu, song song với quá trình cải tổ hệ thống tài chính, Hàn Quốc đã tiến hành cải tổ khu vực công ty và kết quả chung của việc tổ chức khá khả quan. Tỷ lệ nợ - vốn của khu vực sản xuất đạt kết quả đáng khâm phục: từ 396% cuối năm 1997 xuống còn 104% tháng 12-2004. Những quy định về quản lý minh bạch và có trách nhiệm đã được thực hiện và đẩy mạnh thông qua việc bổ nhiệm các giám đốc ngoài công ty, đưa các ủy ban kiểm toán vào và bắt buộc công khai các báo cáo tài chính tổng hợp...

Kết quả của quá trình cải cách là Hàn Quốc đã đi một bước dài trong quá trình chuyển đổi từ hệ thống các tổ chức tài chính chịu sự kiểm soát cao độ của chính phủ sang một hệ thống các tổ chức tài chính tự do, mở cửa, hoạt động theo định hướng thị trường với sự giám sát chặt chẽ của chính phủ để đảm bảo công bằng, minh bạch, và hiệu quả của hệ thống các tổ chức tài chính.

BÀI HỌC PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG NGÂN HÀNG VIỆT NAM DỰA TRÊN KINH NGHIỆM CỦA HÀN QUỐC TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Việc gia nhập WTO đã mở ra những cơ hội phát triển mới cho thị trường tài chính Việt Nam nói chung và cho các định chế ngân hàng nói riêng. Tuy nhiên, bên cạnh đó, cũng đặt ra nhiều thách thức và rủi ro đối với các định chế này. Qua nghiên cứu kinh nghiệm phát triển hệ thống ngân hàng Hàn Quốc và áp dụng vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế, tác giả bài viết rút ra một số bài học sau:

Thứ nhất, cũng như Hàn Quốc, hệ thống ngân hàng đóng vai trò quan trọng trong việc phân phối

vốn cho nền kinh tế (bank based financial system), Việt Nam cần hoàn thiện khung pháp lý để tạo điều kiện cho các định chế tài chính tín dụng hoạt động và phát triển.

Hệ thống pháp luật về các định chế tài chính (trong đó điều chỉnh cả hệ thống ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng) là cơ sở để các định chế tài chính hoạt động theo định hướng phát triển lành mạnh và ổn định, là cơ sở để Nhà nước thực hiện công tác giám sát, phát hiện và ngăn chặn các hành vi trái với quy định, gây bất lợi và mất ổn định thị trường tài chính và nền kinh tế. Muốn vậy, hệ thống pháp luật trên phải đảm bảo tính đồng bộ thống nhất, minh bạch, bình đẳng, ổn định và phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam. Hiện nay, Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Ngân hàng Nhà nước và các quy định khác đang được xem xét sửa đổi một cách cơ bản. Việc cơ cấu lại mô hình hoạt động của Ngân hàng Nhà nước cũng nên đặt theo lộ trình sửa đổi Luật Ngân hàng Nhà nước, để đảm bảo cơ quan này hoạt động theo đúng chức năng của một Ngân hàng Trung ương hiện đại.

Ngoài ra, để hạn chế mặt trái của tự do hoá tài chính, tránh gây tổn thương cho nền kinh tế và hệ thống tài chính, Nhà nước cần xây dựng cho được một khuôn khổ pháp lý cho các hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài nhằm tăng cường kiểm soát việc gia nhập và rút khỏi thị trường của nhà đầu tư nước ngoài để tránh những “cú sốc” từ quá trình này mang lại.

Thứ hai, qua kinh nghiệm của Hàn Quốc cho thấy, nhằm lành mạnh hóa hoạt động ngân hàng, *hệ thống ngân hàng Việt Nam cần sàng lọc cho vay để nâng cao chất*

lượng danh mục tài sản của mình. Mặc dù Chính phủ Việt Nam đang áp dụng chính sách hỗ trợ lãi suất và có thể coi đây là cơ hội để Việt Nam tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng có chọn lọc. Nhưng trong thực tế, việc xét duyệt cho vay tràn lan sẽ dẫn đến ngân hàng khó kiểm soát được chất lượng tín dụng, hoặc đẩy mạnh tín dụng phát triển kinh tế theo “kiểu bong bóng” là nguy cơ tổn thương của hệ thống ngân hàng trong thời gian tới. Thêm vào đó, cũng giống như tình trạng cho vay của các ngân hàng thương mại Hàn Quốc trong thời kỳ trước khủng hoảng tài chính, trong vài năm gần đây, các ngân hàng thương mại Việt Nam đã tăng trưởng nóng tín dụng, dư nợ tín dụng trong năm 2007 chiếm tới 95% so với GDP mà chủ yếu tập trung vào cho vay doanh nghiệp nhà nước, với kỹ năng quản trị rủi ro tín dụng yếu kém, rõ ràng nguy cơ rủi ro vỡ nợ khó có thể tránh khỏi⁷. Thêm vào đó, tính chung cả nội tệ và ngoại tệ, thì số vốn vay huy động ngắn hạn chuyển cho vay trung và dài hạn chiếm tới khoảng 50% tổng số vốn huy động ngắn hạn. Có thể khẳng định tỷ lệ này là quá cao so với mức quy định chỉ là 30%, đây sẽ là yếu tố gây rủi ro lớn vì sự lệch pha trong thời hạn vay và cho vay này có thể gây ra nguy cơ khủng hoảng cho toàn bộ hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam.

Thứ ba, qua bài học kinh nghiệm bổ sung và tái cấp vốn cho hệ thống ngân hàng Hàn Quốc để củng cố sức mạnh cho các tổ chức tài chính nước này sau cuộc khủng hoảng, Việt Nam cần tăng cường tiềm lực tài chính cho các ngân hàng thương mại trong xu thế hội nhập hiện nay. So với các ngân hàng thương mại Hàn Quốc nói

riêng và các nước trong khu vực nói chung, thách thức lớn nhất đối với các ngân hàng thương mại Việt Nam nằm ở nội lực của chính các ngân hàng, với quy mô vốn nhỏ, nguồn nhân lực hạn chế, trình độ công nghệ còn chậm tiến so với các nước trong khu vực. Cụ thể là, vốn điều lệ của các ngân hàng đã tăng mạnh so với trước đây nhưng còn nhỏ bé so với thế giới và khu vực. Mức vốn tự có trung bình của một ngân hàng thương mại nhà nước là 4.200 tỷ đồng, tổng mức vốn tự có của 5 ngân hàng thương mại nhà nước kể cả 2 ngân hàng thương mại đã được cổ phần hóa chỉ tương đương với một ngân hàng cỡ trung bình trong khu vực.

Thứ tư, Ngân hàng Nhà nước cần “quy hoạch” lại hệ thống ngân hàng theo hướng thu hẹp và thanh lọc chứ không nên “rộng rãi” cho phép các tập đoàn kinh tế thành lập ngân hàng như thời gian vừa qua. Mặc dù đã có Quy chế thành lập ngân hàng thương mại cổ phần, trong đó yêu cầu khắt khe về năng lực tài chính, bộ máy quản trị, điều hành đối với các ứng viên⁸ nhưng việc thành lập một số ngân hàng từ các tập đoàn kinh tế như Ngân hàng Dầu khí, Ngân hàng FPT... sẽ có thể đẩy các ngân hàng thương mại vào tình thế không an toàn, rủi ro cao. Bởi lẽ, các công ty con của tập đoàn nắm giữ ngân hàng sẽ có thể tìm kiếm những ưu đãi vay vốn từ ngân hàng mình thay vì có thể vay từ các ngân hàng khác (thời hạn vay, chi phí vay vốn, dịch vụ tài chính rẻ hơn, sử dụng vốn vay vào các dự án có rủi ro cao...). Qua kinh nghiệm của Hàn Quốc cho thấy, việc thành lập các ngân hàng trực thuộc các tập đoàn Chaebol đã đẩy các ngân hàng thương mại này vào tình thế bị các Chaebol thao túng và

đây cũng là một trong những nguyên nhân gây ra khủng hoảng tài chính tại Hàn Quốc trước đây. Hơn nữa, Việt Nam đã có quá nhiều ngân hàng với mạng lưới phát triển quá nhanh trong một nền kinh tế quy mô còn nhỏ, còn đang phát triển, trong khi sức cạnh tranh của các ngân hàng không có nhiều lợi thế riêng biệt như đã phân tích ở trên.

Thứ năm, bài học từ nguyên nhân của cuộc khủng hoảng tài chính Hàn Quốc 1997 cho thấy, khi năng lực hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam còn yếu kém, nhất là khi hệ thống ngân hàng chưa đủ khả năng phân phối tín dụng một cách hữu hiệu, việc tự do hóa thị trường tài chính ngắn hạn là rất nguy hiểm. Dòng vốn tư bản ngắn hạn ồ ạt gây hiện tượng “thừa vốn”, dẫn đến tình trạng lãng phí, hâm nóng thị trường bất động sản, và sự đảo ngược dòng vốn này gây ra bất ổn trong thị trường tài chính. Thực tế trong thời gian qua đã minh chứng cho điều này.

Thứ sáu, cần đa dạng hóa loại hình kinh doanh dịch vụ ngân hàng và triển khai các công cụ phòng ngừa rủi ro trong quản trị ngân hàng. Bài học từ các ngân hàng thương mại Hàn Quốc cho thấy, ngoài nâng cao chất lượng hiệu quả từ dịch vụ ngân hàng bán buôn đối với các tập đoàn, công ty Hàn Quốc, chính các ngân hàng thương mại nước này đã chủ động xây dựng hệ thống đánh giá khách hàng

cá nhân, hộ gia đình để tăng cường hơn nữa chất lượng, hiệu quả dịch vụ ngân hàng bán lẻ. Thêm vào đó, việc triển khai các công cụ phòng ngừa rủi ro khác như thực hiện chứng khoán hóa các khoản cho vay bất động sản... cũng là những điểm sáng mà ngân hàng Việt Nam cần học tập. Chính các ngân hàng thương mại Hàn Quốc nhận thấy rằng đa dạng hóa loại hình dịch vụ ngân hàng là cách thức nhanh nhất tiếp cận khách hàng, nâng cao khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh ngân hàng.

Đối với các ngân hàng thương mại Việt Nam, hệ thống dịch vụ ngân hàng còn đơn điệu, chất lượng

chưa cao, chưa định hướng theo nhu cầu khách hàng và nặng về dịch vụ ngân hàng truyền thống. Huy động vốn chủ yếu dưới dạng tiền gửi chiếm 94% tổng nguồn vốn huy động và cấp tín dụng là hoạt động chủ yếu của ngân hàng, chiếm trên 80% thu nhập ngân hàng. Do không thể đa dạng hóa các loại hình dịch vụ ngân hàng đã khiến các ngân hàng này chủ yếu dựa vào công cụ lãi suất để cạnh tranh thu hút khách hàng. Chỉ mỗi công cụ này là chưa đủ và nó cũng chỉ có tác dụng ở mức giới hạn nhất định.

Thứ bảy, qua kinh nghiệm của Hàn Quốc, hệ thống ngân hàng thương mại Hàn Quốc không ngừng ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt trong lĩnh vực thanh toán nhằm phục vụ khách hàng một cách tốt nhất, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh ngân hàng. Chính vì vậy, hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam cần tăng cường hiện đại hoá công nghệ ngân hàng và hệ thống thanh toán. Theo đó, cần tăng mức vốn đầu tư để trang bị kỹ thuật và công nghệ tiên tiến. Tuy nhiên, các dự án đầu tư công nghệ cần tính toán kỹ lưỡng để sử dụng công suất phù hợp với chiến lược mở rộng kinh doanh của ngân hàng.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu kinh nghiệm phát triển hệ thống ngân hàng Hàn Quốc cho thấy: hệ thống ngân hàng nước này đã trải qua nhiều cung bậc khác nhau về cơ chế điều hành quản trị, cách thức phân bổ nguồn lực tài chính



đối với sự nghiệp phát triển kinh tế của đất nước Hàn Quốc. Nền kinh tế Việt Nam nói chung và hệ thống tài chính, ngân hàng nói riêng của Việt Nam có nhiều nét tương đồng với đất nước Hàn Quốc trong những thập kỷ 70 - 80 của thế kỷ trước. Chính vì vậy, nghiên cứu kinh nghiệm phát triển hệ thống ngân hàng Hàn Quốc, những bài học thất bại và thành công của đất nước này thực sự có ý nghĩa với hệ thống ngân hàng Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Bài viết rút ra một số kết luận sau:

Thứ nhất, sự phát triển của hệ thống ngân hàng Hàn Quốc đã từng trải qua những thất bại và được coi là nguyên nhân của cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997 khi hệ thống này chịu sự kiểm soát chặt chẽ, thái quá từ phía Chính phủ

nhằm đạt được mục tiêu phát triển kinh tế vĩ mô; thêm vào đó là áp lực từ các chính sách tự do hóa tài chính và một hệ thống luật pháp còn nhiều lỗ hổng đã tạo điều kiện cho các hành vi trục lợi và Chính phủ Hàn Quốc đã mất kiểm soát dòng vốn vào, ra từ nước ngoài, đặc biệt là các dòng vốn ngắn hạn.

Thứ hai, cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997 đã góp phần thúc đẩy quá trình cải cách hệ thống tài chính Hàn Quốc một cách mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Trong cơn bão cải tổ hệ thống, các định chế tài chính yếu kém đã buộc phải rời bỏ thị trường và hàng loạt các biện pháp thiết lập kỷ luật tài chính và giám sát ngân hàng đã được thực hiện nhằm xây dựng một hệ thống tài chính ngân hàng ổn định cho Hàn Quốc.

Thứ ba, qua kinh nghiệm cải tổ hệ thống ngân hàng Hàn Quốc, song song với quá trình cải tổ, việc mà Hàn Quốc luôn lưu tâm là hoàn thiện khung pháp lý điều chỉnh hoạt động của các định chế này trên nền tảng lành mạnh hóa chất lượng danh mục tài sản của hệ thống ngân hàng, tăng cường giám sát, sàng lọc ngân hàng, không để phát triển tràn lan, tạo sự bình đẳng và minh bạch thông tin cho các thành viên tham gia.

Qua nghiên cứu kinh nghiệm của Hàn Quốc, tác giả đã rút ra được 7 bài học cho sự phát triển hệ thống ngân hàng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Hy vọng rằng, những gợi ý rút ra từ bài học kinh nghiệm Hàn Quốc trên đây sẽ góp phần đưa hệ thống tài chính Việt Nam phát triển ở tầm cao mới. ♦

¹ Theo Luật Ngân hàng Hàn Quốc, giới hạn cho vay đối với các Chaebol chỉ áp dụng đối với các ngân hàng thương mại mà không áp dụng đối với các ngân hàng bán buôn. Chính vì vậy, các Chaebol đã lách luật bằng cách tìm cách vay thật nhiều vốn từ các ngân hàng bán buôn.

² Nguồn: Hisanori Kataoka, Univ of Columbia: "Korean Banking reform following Asian crisis"

³ Marcus Noland, "Restructuring Korea's Financial Sector for Greater Competitiveness", APEC working paper 96-14 (Washington, DC: Institute for International Economics, November, 1996), 1

⁴ Krugman (1998) với bài viết nhận định về nguyên nhân khủng hoảng của Hàn Quốc.

⁵ Tỷ lệ thanh khoản được xác định bằng tỷ lệ giữa giá trị tài sản ngắn hạn trong vòng 3 tháng quy đổi bằng tiền Won (ngoại tệ) và khoản nợ phải trả trong vòng 3 tháng quy tương tự. Nguồn: Bank of Korea, Financial system in Korea, page 15 -25

⁶ Nguồn: Bank of Korea

⁷ Nguồn: Citibank, market commentary report: "Vietnam is more risk of a banking crisis, not a BOP crisis", June 5, 2008

⁸ Các điều kiện thành lập ngân hàng mới là, đến cuối 2008, vốn điều lệ ngân hàng tối thiểu là 1.000 tỷ đồng, sau ngày 31/12/2008, tất cả các ứng viên phải có vốn điều lệ từ 3.000 tỷ đồng; phải có tối thiểu 100 cổ đông tham gia, trong đó, ít nhất 3 cổ đông sáng lập là tổ chức có quy mô tài sản từ 2.000 tỷ đồng và vốn điều lệ 500 tỷ đồng trở lên. Trong trường hợp cổ đông sáng lập là ngân hàng thương mại, phải đảm bảo tổng tài sản tối thiểu 10.000 tỷ đồng, vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu dưới 2%; mỗi cổ đông pháp nhân chỉ được phép sở hữu tối đa 20% vốn điều lệ, tỷ lệ sở hữu của cá nhân không quá 10% vốn điều lệ của ngân hàng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bank of Korea, Financial system in Korea, 2006
2. Bank of Korea, http://fsc.go.kr/kfsc/board/11/pt_0303.html
3. Bank of Japan, "Korean Financial crisis and its aftermath"
4. Citibank, market commentary report: "Vietnam is more risk of a banking crisis, not a BOP crisis", June 5, 2008

...